TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 598/2025/HC-PT
Ngày 16 tháng 5 năm 2025
V/v: "*Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Ông Nguyễn Văn Minh

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Phạm Đức Mạnh - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:** Ông Phạm Văn Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 1295/2024/TLPT-HC ngày 20 tháng 12 năm 2024 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 266/2024/HC-ST ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1231/2025/QĐ-PT ngày 06 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:*

1. Ông Đinh Đức Đ, sinh năm 1967 (vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thanh L, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số B ấp L, xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Đinh Đức Đ, bà Nguyễn Thanh L: Ông Trần Văn Y, sinh năm 1977 (có mặt);

Địa chỉ: Số H ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Võ Hữu T - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Đường L, khu phố G, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C: Bà Nguyễn Thị Linh P - Chức vụ: Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Người bị kiện là Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện của ông Đinh Đức Đ và bà Nguyễn Thanh L do ông Trần Văn Y là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 2022, ông Đinh Đức Đ và bà Nguyễn Thanh L có nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với khu đất ông bà đang sử dụng, diện tích 956,6 m^2, thuộc thửa 308, tờ bản đồ 62, xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến ngày 15/7/2022 Ủy ban nhân dân huyện C có Công văn số 4060/UBND "*Về việc trả lời hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của hộ ông Đinh Đức Đ và bà Nguyễn Thanh L"* cụ thể:

Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L ngày 6 tháng 7 năm 2022, thì vị trí khu đất đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của hộ bà L, ông Đ có nguồn gốc lấn chiếm năm 2005 và sử dụng không ổn định; thời điểm sử dụng đất năm 2005, không có tranh chấp.

Theo ý kiến của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C, thửa đất 308, tờ bản đồ số 62 (BĐĐC-2005) diện tích 956,6m^2 mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm khác, vị trí khu đất tọa lạc tại xã L, không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử đụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định 43/2004/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Đối chiếu quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định 43/2004/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ "hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định vào mục đích thuộc nhóm đất nông nghiệp từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, nay được ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là không tranh chấp thì được công nhận quyền sử dụng đất"; khoản 1 Điều 21 của Nghị định số 43/2004/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về xác định việc sử dụng đất ổn định; "sử dụng đất ổn định là việc sử dụng đất liên tục vào một mục đích chính nhất định kể từ thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào mục đích đó đến thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở..."

Do đó, Ủy ban nhân dân huyện C trả lời đến hộ ông Đinh Đức Đ và bà Nguyễn Thanh L hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận không có cơ sở xem xét giải quyết.

Tháng 8 năm 2022, ông Đ, bà L tiếp tục gửi hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với khu đất trên, thì ngày 07/3/2023 Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Văn bản số 1186/UBND về việc trả lời hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của hộ ông Đinh Đức Đ và bà Nguyễn Thanh L có nội dung như sau: Liên quan hồ sơ cấp giấy của hộ ông Đinh Đức Đ và bà Nguyễn Thanh L ngày 15 tháng 7 năm 2022 Ủy ban nhân dân huyện C đã ban hành Công văn số 4060/UBND về việc trả lời hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất không đủ điều kiện cấp giấy theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Ngày 24/8/2022, ông Đ, bà L có làm đơn khiến nghị đề nghị xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc đất do Nhà nước cấp và sử dụng ổn định từ năm 1993 đến nay. Ủy ban nhân dân huyện C giải quyết khiếu nại trả lời theo Công văn số 1476/UBND ngày 17/3/2023 về việc trả lời đơn của ông Đinh Đức Đ như sau: Ủy ban nhân dân huyện C cho rằng ông Đinh Đức Đ có đơn xin xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh về nguồn gốc, quá trình sử dụng ổn định, liên tục từ thời điểm trước ngày 01/7/2004. Do đó, ngày 15 tháng 7 năm 2022 Ủy ban nhân dân huyện B Công văn số 4060/UBND về trả lời hồ sơ xin cấp giấy của hộ ông Đinh Đức Đ, bà Nguyễn Thanh L "đất có nguồn gốc lấn chiếm năm 2005 và sử dụng không ổn định, thời điểm sử dụng đất năm 2005 không phù hợp quy định để xem xét cấp giấy theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ".

Việc Ủy ban nhân dân huyện C không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ, bà L là người đang sử dụng đất ổn định, có nguồn gốc đất do Ủy ban nhân dân xã L cấp năm 1993, không có tranh chấp đối với thửa đất số 308, tờ bản đồ số 62 (BĐĐC 2005) tại xã L, diện tích 956,6m^2 theo các văn bản trên là vi phạm pháp luật đất đai, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông bà, trong khi thửa đất ông Đ, bà L đang sử dụng có đủ các điều kiện được cấp giấy chứng quyền sử dụng đất theo pháp luật đất đai, cụ thể:

Năm 1985, ông Đ nhập ngũ tham gia chiến đấu ở chiến trường Campuchia, đến năm 1988 xuất ngũ về địa phương sinh sống với gia đình tại ấp Đ, L, C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 1993, thực hiện chính sách đối với quân nhân xuất ngũ, Ủy ban nhân dân xã L đã giao cho ông Đ phần đất hoang hóa tại thửa đất số 308 tờ bản đồ số 62 (BĐĐC 2005) diện tích khoảng 1200m^2 để khai hoang, bồi thổ, đào đất đắp thành gò, cất nhà, làm ao nuôi cá, trồng cây trái hoa màu ổn định cuộc sống, có kê khai đăng ký đất theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã L, có tên trong sổ địa chính, sổ mục kê của xã.

Năm 1999, xét hoàn cảnh gia đình ông Đ khó khăn về nhà ở, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 07/QĐ-UB ngày 02/01/1999 về việc cấp nhà tình thương đã cấp cho gia đình ông một căn nhà tình thương ngay trên vị trí thửa đất số 308 tờ bản đồ số 62 (BĐĐC 2005) diện tích khoảng 1200m^2 mà Ủy ban nhân dân xã L đã cấp cho ông Đ nêu trên.

Ngày 05/1/2005, thực hiện kế hoạch cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho dân của Ủy ban nhân dân huyện C, Trung tâm D (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C) lập biên bản đo đạc vị trí khu đất trên với diện tích là 1128,8m^2 thuộc thửa 102-a, 102b, tờ bản đồ số 03, hiện trạng nhà là, tole và cây hàng năm khác, cọc ranh bằng cây. Ngày 24/11/2005 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C có cấp bản đồ trích đo tổng thể khu đất diện tích 1128,8m^2 và đã được kiểm tra nội nghiệp.

Trên cơ sở đó, năm 2006 ông Đ, bà L có làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ khu đất trên diện tích 1128,8m^2 thửa 102-1, 102-2 tờ bản đồ 03 và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L trong đơn xin cấp giấy đất của ông Đ có nguồn gốc thời điểm sử dụng đất là xã cấp năm 1993, sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất: ĐN cấp GCN DT 276,5m^2. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01258 ngày 13/4/2006 với diện tích chỉ có 276,5m^2 và phần đất vườn ao xung quanh chưa được cấp giấy chứng nhận, ông Đ, bà L vẫn tiếp tục sử dụng liên tục, ổn định vào mục đích chính là trồng cây hàng năm, làm chuồng nuôi gà, ao nuôi cá sinh sống từ năm 1993 đến nay.

Ông Đ, bà L là người đang sử dụng đất ổn định, có đủ các điều kiện theo điểm c khoản 1 Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013 để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, "c) *...giấy tờ giao nhà tình nghĩa, nhà tình thương gắn liền với đất;*" cụ thể ông Đ có Quyết định cấp nhà tình thương số 07/QĐ.UB ngày 02/01/1999 của Ủy ban nhân dân huyện C trên cùng vị trí thửa đất ông Đ được Ủy ban xã L giao để sử dụng. Ông Đ, bà L đã đăng ký thường trú liên tục tại vị trí thửa đất trên theo sổ hộ khẩu số 180008351 cấp ngày 08/7/1996, đã được cấp số nhà B ấp L, L, C, Thành phố Hồ Chí Minh tại vị trí thửa đất trên.

Việc Ủy ban nhân dân huyện cho rằng đất ông Đ, bà L lấn chiếm năm 2005, sử dụng không ổn định là không có cơ sở. Bởi vì, năm 1993 ông Đ đã được giao thửa đất trên để khai hoang bồi thổ sinh sống, trồng hoa màu, cây lâu năm, đến năm 1999 được cấp nhà tình thương gắn liền với thửa đất trên. Tháng 01/2005, ông Đ đã làm thủ tục đo đạc bản đồ, năm 2006 xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho toàn bộ thửa đất 308, tờ bản đồ số 62 (BĐĐC 2005) diện tích 1128,8m^2 (thửa mới 102-1, 102-2 tờ bản đồ 03) và ông Đ, bà L cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với một phần thửa đất trên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01258 cấp ngày 13/4/2006, phần đất còn lại ông Đ chưa được Ủy ban nhân dân huyện C cấp do vướng quy hoạch Dự án khu nhà vườn SADECO. Năm 2013, Dự án trên đã điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng (quy hoạch phân khu) thửa đất 308 của ông Đ, bà L được quy hoạch đất ở dân cư hiện hữu chỉnh trang theo đồ án và đủ điều kiện cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ thửa đất 308, theo điểm c khoản 1 Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013, chứ không phải đất thuộc trường hợp không có giấy theo khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP như viện dẫn của Ủy ban nhân dân huyện C để không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ, bà L theo quy định.

Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L xác định: Đất này có nguồn gốc đất trảng (đất hoang) không thuộc quỹ đất công do xã quản lý, sử dụng ổn định, không tranh chấp, điều đó chứng minh đất ông Đ, bà L có nguồn gốc đất rõ ràng do được giao khai hoang, bồi thố sử dụng hợp pháp từ năm 1993 đến nay, chứ không có lấn chiếm đất do xã L quản lý hay đất của cá nhân, tổ chức nào, cũng không có biên bản vi phạm hay quyết định xử phạt hành chính nào, Vì vậy, Ủy ban nhân dân huyện C xác định ông Đ, bà L lấn chiếm thửa đất 308, từ năm 2005 là không có cơ sở pháp lý.

Nay ông Đ, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Công văn số 4060/UBND ngày 15/7/2022 của Ủy ban nhân dân huyện C về trả lời hồ sơ đề nghị xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của hộ ông Đinh Đức Đ, bà Nguyễn Thanh L; Văn bản số 1476/UBND ngày 17/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về trả lời đơn của ông Đinh Đức Đ.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ, bà L diện tích đất 956,6 m^2 thuộc thửa 308, tờ bản đồ 62 (thửa mới 10, 11 tờ bản đồ 62) tại xã L.

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và Ủy ban nhân dân huyện C có ông Trương Tiến T1 là người đại diện theo ủy quyền có văn bản trình bày ý kiến như sau:

Ông Đinh Đức Đ và bà Nguyễn Thanh L có nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, nhằm thửa đất số 308, tờ bản đồ số 62 (BĐĐC-2005), diện tích 956,6m², mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc tại xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi xem xét hồ sơ, Ủy ban nhân dân huyện B Công văn số 4060/UBND ngày 15 tháng 7 năm 2022 trả lời hồ sơ cấp giấy của hộ ông Đinh Đức Đ và bà Nguyễn Thanh L *"đất có nguồn gốc lấn chiếm năm 2005 và sử dụng không ổn định; thời điểm sử dụng đất năm 2005 không phù hợp quy định để xem xét cấp giấy theo quy định tại khoản 5 Điều 20 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ"*.

- Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất: Đối chiếu tài liệu theo bản đồ Chỉ thị 02/CT-UB (tỷ lệ 1/2.000) ngày 18 tháng 01 năm 1992 của Ủy ban nhân dân Thành phố H, nhằm một phần thửa 102, tờ bản đồ 03, xã L do Ủy ban xã đăng ký, thể hiện loại đất ao; Theo kết quả cung cấp thông tin của Ủy ban nhân dân xã L thì khu đất có diện tích 956,6m², nhằm thửa đất số 308, tờ bản đồ số 62 (BĐĐC-2005), tọa lạc xã L có nguồn gốc là đất trảng, ông Đinh Đức Đ lấn

chiếm vào năm 2005, không bị xử phạt vi phạm hành chính, không nằm trong quỹ đất công, sử dụng ổn định, không tranh chấp cho đến nay.

- Theo kết quả xác minh từ các hộ dân sinh sống ở khu vực, được biết: ông Đinh Đức Đ là bộ đội xuất ngủ về đây sinh sống làm nghề thuê mướn để mưu sinh từ thời điểm năm 1999 và được nhà nước cấp nhà tình thương ở trên khu đất này sinh sống, canh tác từ đó cho đến nay.

- Theo kết quả thu thập tài liệu chứng minh về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất: ông Đinh Đức Đ không cung cấp được các tài liệu chứng minh để xác định việc sử dụng đất ổn định theo quy định tại Điều 21 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ (biên lai nộp thuế nông nghiệp, thuế nhà đất, biên lai thu tiền điện, nước...).

- Qua thu thập tài liệu trong thành phần hồ sơ lưu trữ chỉ gồm các giấy tờ: Bản đồ trích đo tổng thể khu đất (diện tích 1128,8m²) năm 2005, đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2006, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01258 ngày 13 tháng 4 năm 2006 cấp cho hô ông Đinh Đức Đ với diện tích 276,5m²).

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 20 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ, như sau:

"... Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định vào mục đích thuộc nhóm đất nông nghiệp từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là không có tranh chấp thì được công nhận quyền sử dụng đất..."

Căn cứ quy định tại điểm i khoản 2 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ như sau:

"Thời điểm bắt đầu sử dụng đất ổn định được xác định căn cứ vào thời gian và nội dung có liên quan đến mục đích sử dụng đất ghi trên một trong các giấy tờ sau đây:

a) Biên lai nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế nhà đất;

b) Biên bản hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong việc sử dụng đất, biên bản hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong việc xây dựng công trình gắn liền với đất;

c) Quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân đã có hiệu lực thi hành, quyết định thi hành bản án của cơ quan Thi hành án đã được thi hành về tài sản gắn liền với đất;

d) Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã có hiệu lực thi hành; biên bản hòa giải tranh chấp đất đai có chữ ký của các bên và xác nhận của đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất;

đ) Quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có liên quan đến việc sử dụng đất;

e) Giấy tờ về đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú dài hạn tại nhà ở gắn với đất ở; Giấy chứng minh nhân dân hoặc Giấy khai sinh, giấy tờ nộp tiền điện, nước và các khoản nộp khác có ghi địa chỉ nhà ở tại thửa đất đăng ký;

g) Giấy tờ về việc giao, phân, cấp nhà hoặc đất của cơ quan, tổ chức được Nhà nước giao quản lý, sử dụng đất;

h) Giấy tờ về mua bán nhà, tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về mua bán đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất có chữ ký của các bên liên quan;

i) Bản đồ, sổ mục kê, tài liệu điều tra, đo đạc về đất đai qua các thời kỳ;

k) Bản kê khai đăng ký nhà, đất có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã tại thời điểm kê khai đăng ký."

Đối chiếu trường hợp của ông Đinh Đức Đ và bà Nguyễn Thanh L đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, Ủy ban nhân dân huyện N thấy việc ông Đinh Đức Đ có đơn xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không cung cấp được các tài liệu chứng minh về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục từ thời điểm trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và theo kết quả cung cấp thông tin về nguồn gốc, quá trình sử dụng khu đất của Ủy ban nhân dân xã L thì khu đất có nguồn gốc lấn chiếm vào năm 2005 nên không đủ điều kiện cấp giấy theo quy định tại Khoản 5 Điều 20 của Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ.

Do đó, Ủy ban nhân dân huyện B Công văn số 4060/UBND ngày 15 tháng 7 năm 2022, ban hành Công văn số 1186/UBND ngày 07 tháng 3 năm 2023, đồng thời ngày 17/3/2023 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B Công văn số 1476/UBND về trả lời hồ sơ cấp giấy của hộ ông Đinh Đức Đ và bà Nguyễn Thanh L là phù hợp theo quy định pháp luật.

Từ những cơ sở trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và Ủy ban nhân dân huyện C nhận thấy những yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Đức Đ và bà Nguyễn Thanh L là không có căn cứ. Do đó, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Đức Đ và bà Nguyễn Thanh L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 266/2024/HC-ST ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 193, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Điểm c Khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013;

Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Đức Đ và bà Nguyễn Thanh L.

- Hủy Công văn số 4060/UBND ngày 15/7/2022 của Ủy ban nhân dân huyện C về trả lời hồ sơ đề nghị xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của hộ ông Đinh Đức Đ, bà Nguyễn Thanh L đối với diện tích đất 956,6 m^2 thuộc thửa 308, tờ bản đồ 62 (thửa mới 10, 11 tờ bản đồ 62) tại xã L; Hủy Văn bản số 1476/UBND ngày 17/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về trả lời đơn của ông Đinh Đức Đ;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định pháp luật xem xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất thuộc thửa 102 tờ bản đồ số 3, xã L (TL02), thuộc thửa đất số 308 tờ bản đồ số 62 (BĐĐC 2005) nêu trên cho ông Đinh Đức Đ và bà Nguyễn Thanh L, khi ông Đ, bà L nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 07/8/2024, người bị kiện là Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Theo Văn bản trình bày số 2243/UBND ngày 17/4/2025 của Ủy ban nhân dân huyện C và lời trình bày của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện là bà Nguyễn Thị Linh P tại phiên tòa ngày 24/4/2025 thể hiện:

Theo các tài liệu lưu trữ và Chỉ thị số 02/CT-UB ngày 18/01/1992 của Ủy ban nhân dân Thành phố H, phần diện tích đất mà hộ ông Đinh Đức Đ, bà Nguyễn Thanh L đang sử dụng có nguồn gốc là đất trảng do Ủy ban nhân dân xã L quản lý, được quy hoạch đất ở và hỗn hợp (giai đoạn quy hoạch từ năm 2021-2030). Phần diện tích đất 956,6m^2 thuộc thửa 308, tờ bản đồ 62, xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh mà ông Đinh Đức Đ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do hộ ông Đ lấn chiếm từ năm 2005, thời gian sử dụng không ổn định nên không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/2004/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Mặc dù lấn chiếm đất nhưng ông Đ chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Tại Biên bản họp xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào ngày 02/01/2006 xác nhận ông Đinh Đức Đ, bà Nguyễn Thanh L không sử dụng phần diện tích 956,6m^2 đất nên chỉ được xem xét cấp giấy chứng nhận đối với phần diện tích 276,5m^2 mà hộ gia đình ông sử dụng thực tế.

Theo quy định pháp luật hiện hành, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo yêu cầu của ông Đ, bà L gặp khó khăn vì đối tượng được cấp giấy chứng nhận phải sử dụng đất từ trước năm 2004, nhưng hộ gia đình ông Đ được xác nhận là sử dụng phần diện tích đất nêu trên từ năm 2005.

Do đó, yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất 956,6m^2 nêu trên của ông Đ và bà L là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Trần Văn Y trình bày:

Nguồn gốc thửa đất có diện tích 956,6m^2, thuộc thửa 308, tờ bản đồ 62, xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh là do Ủy ban nhân dân xã L quản lý. Năm 1993, thực hiện chính sách đối với quân nhân xuất ngũ, Ủy ban nhân dân xã L đã giao cho ông Đinh Đức Đ phần đất hoang hóa có diện tích khoảng 1.200m^2 (không giao diện tích chính xác mà chỉ giao thửa), toạ lại tại vị trí nêu trên để khai hoang, bồi thổ, đào đất đắp thành gò, cất nhà, làm ao nuôi cá, trồng cây trái, hoa màu ổn định cuộc sống. Phần diện tích đất nêu trên có ranh giới được xác định thông qua các cọc ranh bằng cây và đã được cán bộ địa chính kiểm tra nội nghiệp. Hộ gia đình của ông Đ đã sinh sống, canh tác ổn định trên phần diện tích đất này và không có tranh chấp.

Năm 1999, ông Đ được Nhà nước cấp cho 01 căn nhà tình thương có diện tích khoảng 68m^2 tại phần diện tích đất nêu trên theo Quyết định số 07/QĐ-UB ngày 02/01/1999 của Ủy ban nhân dân huyện C. Đến ngày 13/4/2006, Ủy ban nhân dân huyện C đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01258 đối với phần diện tích 276,5m^2. Sở dĩ Ủy ban nhân dân huyện C chỉ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 276,5m^2/1.200m^2 là do Hội đồng xét cấp đất xác định phần diện tích đất còn lại là đất trống và vướng quy hoạch Dự án khu nhà vườn SADECO nên không xem xét.

Năm 2012, ông Đ biết được phần diện tích chưa được cấp giấy chứng nhận đã được xoá khỏi quy hoạch nên hộ gia đình ông đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ thửa đất 308. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Năm 1993, hộ ông Đinh Đức Đ, bà Nguyễn Thanh L đã được Ủy ban nhân dân xã L giao phần diện tích 1.200m^2 đất thuộc thửa 308, tờ bản đồ 62, xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để khai hoang, ổn định cuộc sống. Ông Đ, bà L đã thực hiện thủ tục đăng ký kê khai tại sổ mục kê địa chính của xã L. Năm 1999, hộ ông Đ được cấp một căn nhà tình thương trên phần diện tích đất này. Năm 2006, Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 276,5m^2, hộ ông Đ đã sử dụng phần diện tích đất nêu trên liên tục và ổn định đến nay. Ủy ban nhân dân huyện C xác định phần

diện tích 956,6m^2 là đất công do Nhà nước quản lý và bị ông Đ lấn chiếm từ năm 2005 là không có căn cứ. Tại Công văn số 4060/UBND ngày 15/7/2022 và Công văn số 1186/UBND ngày 07/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C xác định ông Đ không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận là không phù hợp.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên. Xét kháng cáo của người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện C, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên toà phúc thẩm, người bị kiện là Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện đều có văn bản xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Ngày 26/4/2023, ông Đinh Đức Đ, bà Nguyễn Thanh L khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 4060/UBND ngày 15/7/2022 của Ủy ban nhân dân huyện C về trả lời hồ sơ đề nghị xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của hộ ông Đ, L; Văn bản số 1476/UBND ngày 17/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về trả lời đơn của ông Đinh Đức Đ, là khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính tại Tòa án, còn thời hiệu và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Đối với yêu cầu khởi kiện "Buộc Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ, bà L diện tích đất 956,6 m^2 thuộc thửa 308, tờ bản đồ 62 (thửa mới 10, 11 tờ bản đồ 62) tại xã L", không phải là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính mà là hệ quả của việc xét tính hợp pháp và tính có căn cứ của các quyết định hành chính bị khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm hủy các quyết định hành chính bị khởi kiện và tuyên buộc: "Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định pháp luật xem xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất thuộc thửa 102 tờ bản đồ số 3, xã L (TL02), thuộc thửa đất số 308 tờ bản đồ số 62 (BĐĐC 2005) nêu trên cho ông Đinh Đức Đ và bà Nguyễn Thanh L, khi ông Đ, bà L nộp hồ sơ cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật" là vượt quá thẩm quyền của Hội đồng xét xử, cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Mặc dù, ông Đ, bà L không khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 1186/UBND ngày 07/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc trả lời hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng Văn bản số 1186/UBND nêu trên có nội dung liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà L nên Tòa án cấp sơ thẩm xem xét tính hợp pháp của Văn bản này trong cùng vụ án là đúng quy định tại Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy các quyết định hành chính bị khởi kiện mà không tuyên hủy quyết định hành chính có liên quan là không đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng đất

Nguồn gốc phần đất diện tích 956,6m², mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc tại xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh mà ông Đinh Đức Đ và bà Nguyễn Thanh L đề nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo tài liệu bản đồ Chỉ thị số 02/CT-UB (tỷ lệ 1/2.000) ngày 18/01/1992 của Ủy ban nhân dân Thành phố, thể hiện thuộc một phần thửa số 102, tờ bản đồ số 03 do Ủy ban xã L đăng ký, thể hiện loại đất ao.

Theo kết quả cung cấp thông tin của Ủy ban nhân dân xã L: căn cứ Bản đồ địa chính năm 2005 thì phần đất trên thuộc thửa số 308, tờ bản đồ số 62, tọa lạc tại xã L có nguồn gốc là đất trảng, ông Đinh Đức Đ lấn chiếm sử dụng vào năm 2005, không bị xử phạt vi phạm hành chính, không nằm trong quỹ đất công của xã; ông Đ sử dụng ổn định, không tranh chấp cho đến nay.

Theo kết quả xác minh từ các hộ dân sinh sống trong khu vực: ông Đinh Đức Đ là bộ đội xuất ngũ về đây từ thời điểm năm 1999; được Nhà nước cấp nhà tình thương trên khu đất này và canh tác, sinh sống từ đó cho đến nay. Phần diện tích đất liên quan đến quyết định cấp nhà tình thương đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đinh Đức Đ.

Năm 2005, ông Đinh Đức Đ tiến hành đo vẽ bản đồ trích đo tổng thể khu đất với diện tích 1.128,8m² (bao gồm diện tích 276,5m² gắn với căn nhà tình thương và diện tích 956,6m² đất trồng cây hàng năm ông Đ đang đề nghị cấp giấy chứng nhận) để làm đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 13/4/2006, Ủy ban nhân dân huyện C đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01258 cho hộ ông Đinh Đức Đ với diện tích 276,5m².

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: *"Căn cứ hồ sơ cấp giấy chứng nhận số H01258 cấp ngày 13/4/2006 về đất ở cho ông Đ, bà L thể hiện phần đất 1.128m² (có phần đất 956,6m² hiện đang xin cấp giấy chứng nhận) thuộc thửa 102 tờ bản đồ số 3, xã L (TL02) thuộc thửa đất số 308 tờ bản đồ số 62 (BĐĐC 2005) có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L về nguồn gốc đất do xã cấp năm 1993 cho ông Đ, sử dụng ổn định không tranh chấp; Theo Quyết định số 07/QĐ-UB ngày*

02/01/1999 của Ủy ban nhân dân huyện V cấp nhà tình thương cho ông Đinh Đức Đ tại địa chỉ: 2 L, L (địa chỉ tại phần đất 1.128m² nêu trên), điều này thể hiện: ông Đ, đã sử dụng phần đất nêu trên trước năm 1999", là không chính xác vì Ủy ban nhân dân xã L chỉ xác nhận về nguồn gốc đất do xã cấp năm 1993 đối với diện tích 276,5m² đất gắn với căn nhà tình thương và đề nghị Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông Đ đối với phần đất này. Đối với Quyết định số 07/QĐ-UB ngày 02/01/1999 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc cấp nhà tình thương cho ông Đ tại địa chỉ khu đất nêu trên cũng không đồng nghĩa với việc chứng minh ông Đ có sử dụng toàn bộ diện tích 1.128m² đất từ năm 1999.

Như vậy, không có cơ sở xác định ông Đinh Đức Đ đã quản lý, sử dụng diện tích 956,6m² đất, thuộc thửa 308, tờ bản đồ 62, xã L từ trước ngày 01/4/2004. Ngoài ra, ông Đ cũng không cung cấp được bất cứ quyết định giao đất nào của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quản lý đất đai cấp cho ông đối với diện tích 956,6m² đất nêu trên.

[2.2] Xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị khởi kiện

Như đã nhận định ở trên, diện tích 956,6m² đất mà ông Đinh Đức Đ và bà Nguyễn Thanh L đề nghị được cấp giấy chứng nhận có nguồn gốc do hộ ông Đ lấn, chiếm sử dụng từ năm 2005; đất do Ủy ban xã L đăng ký theo tài liệu bản đồ Chỉ thị số 02/CT-UB ngày 18/01/1992 nên không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai 2013; khoản 5 Điều 20, Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Do đó, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Công văn số 4060/UBND ngày 15/7/2022; Văn bản số 1186/UBND ngày 07/3/2023 về trả lời hồ sơ đề nghị xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của hộ ông Đinh Đức Đ, bà Nguyễn Thanh L đối với diện tích đất 956,6 m² thuộc thửa 308, tờ bản đồ 62 (thửa mới 10, 11 tờ bản đồ 62) tại xã L; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Văn bản số 1476/UBND ngày 17/3/2023, trả lời kiến nghị của ông Đinh Đức Đ là đúng quy định.

Tòa án cấp sơ thẩm hủy các quyết định hành chính nêu trên và buộc Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đinh Đức Đ, bà Nguyễn Thanh L, là không có căn cứ pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét và có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; sửa toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

[3] Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Người khởi kiện ông Đinh Đức Đ và bà Nguyễn Thanh L phải chịu do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh không phải chịu do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Sửa toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Đức Đ và bà Nguyễn Thanh L về việc:

- Hủy Công văn số 4060/UBND ngày 15/7/2022 của Ủy ban nhân dân huyện C về trả lời hồ sơ đề nghị xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của hộ ông Đinh Đức Đ, bà Nguyễn Thanh L đối với diện tích đất 956,6 m^2 thuộc thửa 308, tờ bản đồ 62 (thửa mới 10, 11 tờ bản đồ 62) tại xã L;

- Hủy Văn bản số 1476/UBND ngày 17/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về trả lời đơn của ông Đinh Đức Đ;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định pháp luật xem xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất thuộc thửa 102 tờ bản đồ số 3, xã L (TL02), thuộc thửa đất số 308 tờ bản đồ số 62 (BĐĐC 2005) nêu trên cho ông Đinh Đức Đ và bà Nguyễn Thanh L, khi ông Đ, bà L nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2. Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: Người khởi kiện là ông Đinh Đức Đ và bà Nguyễn Thanh L phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí, lệ phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0031670 ngày 16/01/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí hành chính phúc thẩm: Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh không phải chịu. Hoàn lại cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và Ủy ban nhân dân huyện C mỗi đương sự 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0041402 và 0041403 cùng ngày 02/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu HSVA (NTCL)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hòa Hiệp